

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ TRẮNG BÀNG  
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 27/2024/HS-ST

Ngày: 29-3-2024

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TRẮNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

*Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - chủ tọa phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Cẩm

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Tạ Kỳ Trung;

Bà Dương Thị Mỹ Liên.

*Thư ký phiên toà:* Bà Bùi Thị Hạnh - Thư ký Toà án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên toà:* ông Lý Trọng Đại – Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 và ngày 29 tháng 3 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 05/2024/TLHS-ST ngày 29 tháng 01 năm 2024; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2024/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 3 năm 2024 đối với bị cáo:

Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 1972, tại: tỉnh Tây Ninh

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và nơi cư trú hiện nay: khu phố SS, phường AT, thị xã TB, tỉnh Tây Ninh. Nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Thành V (đã chết) và bà Nguyễn Thị Ánh T; có chồng tên Huỳnh Tấn Ph, có 02 người con (con lớn sinh năm 1995, con nhỏ nhất sinh năm 2003); tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 09/11/2023 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo: Ông Trần Minh T – Luật sư Văn phòng luật sư Trần Minh T thuộc đoàn luật sư tỉnh Tây Ninh, có mặt.

Bị hại:

Bà Võ Thị L, sinh năm 1966; địa chỉ: khu phố A, phường B, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh; có mặt;

Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1948;

Anh Lương Văn M, sinh năm 1983;

Cùng địa chỉ: ấp T, xã TM, huyện CC, Thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt.

Bà Nguyễn Thị Kim H, sinh năm 1979; vắng mặt.

Bà Lý Kim H1, sinh năm 1977; vắng mặt.  
Bà Hồ Ngọc Út N, sinh năm 1976; có mặt;  
Chị Hồ Thị Cẩm T1, sinh năm 1988; có mặt;  
Bà Phạm Thị Thu T2, sinh năm 1975; vắng mặt.  
Bà Đỗ Thị T5, sinh năm 1960; vắng mặt.  
Bà Hồ Thị X, sinh năm 1968; có mặt phiên xử ngày 27/3/2024, vắng mặt phiên tuyên án;  
Anh Phan Hoàng M, sinh năm 1980; vắng mặt.  
Bà Trần Thị G, sinh năm 1969; vắng mặt.  
Bà Phạm Thị Y, sinh năm 1955; vắng mặt.  
Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1956; vắng mặt.  
Bà Lê Thị T6, sinh năm 1954; vắng mặt.  
Bà Dương Thị H2, sinh năm 1975; có mặt phiên xử ngày 27/3/2024, vắng mặt phiên tuyên án;  
Ông Hồ Văn K, sinh năm 1977; có mặt;  
Bà Lê Thị Thu T3, sinh năm 1969; vắng mặt.  
Bà Nguyễn Thị A, sinh năm 1953; vắng mặt.  
Bà Nguyễn Thị X1, sinh năm 1957; có mặt phiên xử ngày 27/3/2024, vắng mặt phiên tuyên án;  
Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1944; vắng mặt.  
Bà Nguyễn Thị G1, sinh năm 1963; có mặt;  
Bà Lâm Thị Bé H3, sinh năm 1986; vắng mặt.  
Chị Nguyễn Thị Phượng U, sinh năm 1985; vắng mặt.  
Cùng địa chỉ: khu phố SS, phường AT, thị xã TB, tỉnh Tây Ninh.  
Bà Huỳnh Thị Thu H4, sinh năm 1974; địa chỉ: ấp BT, xã TM, huyện CC, Thành phố Hồ Chí Minh. vắng mặt.  
Chị Hồ Thị T4, sinh năm 1988; địa chỉ: khu phố AP, phường AT, thị xã TB, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Ông Huỳnh Tấn Ph, sinh năm 1968; địa chỉ: khu phố SS, phường AT, thị xã TB, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

Vào năm 2014, Nguyễn Thị Thu T bắt đầu tổ chức góp hội để hưởng huê hồng. Đến khoảng tháng 10/2015, để có tiền trả nợ và sinh hoạt gia đình, T đã nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền góp hội của các hội viên; nắm bắt tâm lý có nhiều hội viên nuôi hội và không thường xuyên tham gia khai hội nên T đã dùng thủ đoạn gian dối là tự ý lấy tên hội viên có tham gia góp hội để lĩnh hội mà không được sự đồng ý của hội viên. Đến tháng 2/2016, T mất khả năng chi trả nên tuyên bố vỡ hội; tại thời điểm vỡ hội có 17 dây hội đang hoạt động.

Với thủ đoạn trên, T đã chiếm đoạt tiền góp hội của 26 hội viên trong 08 dây hội với tổng số tiền là 124.850.000 đồng. Cụ thể:

- Hụi 2.000.000 đồng, khai ngày 10/5/2014, hụi 01 tháng khai 01 lần, gồm 02 dây:

+ Dây thứ 1: Hụi có 22 phần, đã khai được 21 kỳ. T tự ý lấy tên của 02 hụi viên Nguyễn Thị H1, Đỗ Thị T5 để lĩnh 02 phần hụi ở kỳ thứ 19, 20; chiếm đoạt số tiền 7.350.000 đồng của 03 hụi viên H1, T5 và Nguyễn Thị Kim Hạnh.

+ Dây thứ 2: Hụi có 22 phần, đã khai được 21 kỳ. T tự ý lấy tên của 02 hụi viên Đỗ Thị T5, Phạm Thị Thu T2 để lĩnh 02 phần hụi ở kỳ thứ 17, 18; chiếm đoạt số tiền 7.500.000 đồng của 03 hụi viên gồm T5, T2 và Hồ Thị Cẩm T1.

- Hụi 2.000.000 đồng, khai ngày 05/11/2014, hụi 01 tháng khai 01 lần, gồm 03 dây:

+ Dây thứ 1: Hụi có 18 phần, đã khai được 15 kỳ. T tự ý lấy tên của hụi viên Võ Thị L, Đỗ Thị T5, Nguyễn Thị Kim H, Huỳnh Thị Thu H4 để lĩnh 04 phần hụi ở các kỳ 12, 13, 14, 15; chiếm đoạt số tiền 35.000.000 đồng của 07 hụi viên gồm T5, H, H4, L, Hồ Thị X, Phan Hoàng M và Trần Thị G.

+ Dây thứ 2: Hụi có 18 phần, đã khai được 15 kỳ. T tự ý lấy tên của hụi viên Đỗ Thị T5, Nguyễn Thị Kim H, Võ Thị L, Lý Kim H1 để lĩnh 04 phần hụi ở các kỳ 12, 13, 14, 15; chiếm đoạt số tiền 35.000.000 đồng của 07 hụi viên gồm T5, H, L, H1, Dương Thị H2, Hồ Thị X, Nguyễn Thị H1.

+ Dây thứ 3: Hụi có 18 phần, đã khai được 15 kỳ. T tự ý lấy tên của hụi viên Lê Thị T6, Lương Văn M, Đỗ Thị T5 để lĩnh 03 phần hụi ở các kỳ 13, 14, 15; chiếm đoạt số tiền 22.500.000 đồng của 06 hụi viên gồm T6, M, T5, Dương Thị H2, Võ Thị L, Nguyễn Thị Kim H.

- Hụi 1.000.000 đồng, khai ngày 10/01/2015, hụi 01 tháng khai 01 lần, gồm 18 phần, đã khai được 13 kỳ. T tự ý lấy tên của hụi viên Lê Thị T6, Hồ Ngọc Út N để lĩnh 02 phần hụi ở kỳ thứ 12, 13; chiếm đoạt số tiền 8.400.000 đồng của 05 hụi viên với 07 phần hụi gồm T6, Út N, Nguyễn Thị A 02 phần, Nguyễn Thị N 02 phần, Hồ Văn K.

- Hụi 2.000.000 đồng, khai ngày 10/02/2015, hụi 01 tháng khai 01 lần, gồm 13 phần, đã khai được 12 kỳ. T tự ý lấy tên của hụi viên Phạm Thị Y để lĩnh 01 phần hụi ở kỳ thứ 12; chiếm đoạt số tiền 2.500.000 đồng của 02 hụi viên gồm Y và Võ Thị L.

- Hụi 1.000.000 đồng, khai ngày 10/3/2015 (Dây 2), hụi 01 tháng khai 01 lần, gồm 21 phần, đã khai được 11 kỳ. T tự ý lấy tên của hụi viên Nguyễn Thị H1 để lĩnh 01 phần hụi ở kỳ thứ 11, chiếm đoạt số tiền 6.600.000 đồng của 11 hụi viên gồm H1, Hồ Thị T4, Lâm Thị Bé H3, Nguyễn Thị Phượng U, Lê Thị Thu T2, Lương Văn M, Phạm Thị Y, Nguyễn Thị A, Nguyễn Thị G1, Nguyễn Thị X1, Nguyễn Thị B.

Cáo trạng số 08/CT-VKSTrB ngày 29 tháng 01 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị Thu T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 174; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thu T từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù.

Do bị cáo không có tài sản đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về bồi thường thiệt hại: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 589 của Bộ luật Dân sự;

Ghi nhận các bị hại Nguyễn Thị H1, Lê Thị T6, Phạm Thị Y, Lê Thị Thu T2, Nguyễn Thị N, Dương Thị H2, Hồ Thị X, Phan Hoàng M không yêu cầu T bồi thường.

Ghi nhận hiện người nhà của bị cáo đã bồi thường cho: bà Đỗ Thị T5 số tiền 15.000.000 đồng, bà Nguyễn Thị Kim H số tiền 15.000.000 đồng, bà Huỳnh Thị Thu H4 số tiền 1.000.000 đồng, bà Phạm Thị Thu T2 số tiền 1.000.000 đồng, Hồ Ngọc Út N số tiền 1.000.000 đồng, Hồ Thị Cẩm T1 số tiền 1.000.000 đồng, bà Lý Kim H1 số tiền 1.000.000 đồng, bà Nguyễn Thị X1 6.000.000 đồng, Nguyễn Thị G1 2.000.000 đồng. Đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo tiếp tục bồi thường cho các bị hại số tiền còn lại theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa bị cáo trình bày: Thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung vụ án đã nêu. Bị cáo đồng ý bồi thường cho các bị hại theo quy định pháp luật.

Người bào chữa cho bị cáo phát biểu: Thống nhất với quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát. Bị cáo đã thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải. Bị cáo có mẹ ruột được tặng Huy Chương kháng chiến Hạng Nhất, Kỷ niệm chương chiến sĩ cách mạng bị địch bắt tù, đày, có câu ruột là liệt sĩ. Bị cáo đã tác động gia đình bồi thường một phần thiệt hại cho các bị hại và nộp số tiền 47.250.000 đồng tại Cơ quan Thi hành án dân sự thị xã Trảng Bàng để khắc phục hậu quả cho các bị hại. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Các bị hại:

- Nguyễn Thị Kim H: yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 110.450.000 đồng, đã nhận bồi thường số tiền 15.000.000 đồng.

- Phạm Thị Thu T2 yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 21.250.000 đồng, đã nhận bồi thường số tiền 1.000.000 đồng

- Hồ Thị Cẩm T1 yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 24.250.000 đồng, đã nhận bồi thường số tiền 1.000.000 đồng

- Võ Thị L yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 184.000.000 đồng

- Đỗ Thị T5 yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 56.250.000 đồng, đã nhận bồi thường số tiền 15.000.000 đồng

- Huỳnh Thị Thu H4 yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 18.750.000 đồng, đã nhận bồi thường số tiền 1.000.000 đồng.

- Trần Thị G yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 25.000.000 đồng

- Lý Kim H1 yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 19.130.000 đồng, đã nhận bồi thường số tiền 1.000.000 đồng
  - Lương Văn M yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 39.000.000 đồng, đã nhận bồi thường số tiền 1.000.000 đồng;
  - Nguyễn Thị A yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 22.200.000 đồng;
  - Hồ Ngọc Út N yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 7.800.000 đồng; đã nhận bồi thường số tiền 1.000.000 đồng.
  - Hồ Văn K yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 7.800.000 đồng.
  - Hồ Thị T4 yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 8.000.000 đồng
  - Lâm Thị Bé H3, Nguyễn Thị Phượng U yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 6.600.000 đồng.
  - Nguyễn Thị G1 yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 6.600.000 đồng, đã nhận bồi thường số tiền 2.000.000 đồng
  - Nguyễn Thị X1 yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 6.600.000 đồng, đã nhận bồi thường số tiền 6.000.000 đồng.
  - Nguyễn Thị B yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 10.000.000 đồng.
- Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo nhận thức hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật. Bị cáo gửi lời xin lỗi đến các bị hại. Mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:*

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã Trảng Bàng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2.] Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo Nguyễn Thị Thu T đã khai nhận:

[2.1.] Từ năm 2014 đến khi tuyên bố vỡ hội tháng 02/2016, bị cáo Nguyễn Thị Thu T đã tổ chức nhiều dây hội do mình làm chủ hội cho nhiều người tham gia; lợi dụng việc hội viên tin tưởng, không đến khai hội và nắm bắt tâm lý các hội viên thường nuôi hội, bị cáo T dùng thủ đoạn gian dối như: Tự ý lấy tên hội viên để lĩnh hội mà không được hội viên đồng ý; chiếm đoạt số tiền 124.850.000 đồng của các bị hại.

[2.2.] Xét lời nhận tội của bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận bị cáo Nguyễn Thị Thu T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, theo điểm c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

[3] Vụ án mang tính chất nghiêm trọng; hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội; mang tính liên tục nhiều lần và xảy ra trong một thời gian dài, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân. Đồng thời, hành vi phạm tội của bị cáo còn ảnh hưởng đến trật tự trị an tại địa phương. Do đó, cần nghiêm trị để cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung cho xã hội.

[4] Khi quyết định hình phạt, có xem xét tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã thỏa thuận khắc phục một phần hậu quả do hành vi của bị cáo gây ra, cản trừ tiền hối giữa các hội viên đã lĩnh hối và chưa lĩnh hối, trả lại cho hội viên, hội viên không yêu cầu bồi thường với tổng số tiền là 84.600.000 đồng. Bị cáo đã tác động gia đình nộp số tiền 47.250.000 đồng tại cơ quan thi hành án khắc phục hậu quả cho các bị hại. Các bị hại Lý Kim H1, Phạm Thị Y, Hồ Thị Cẩm T1, Hồ Ngọc Út N, Nguyễn Thị Kim H, Lương Văn M, Đỗ Thị T5, Lê Thị T6, Dương Thị H2, Hồ Thị X, Nguyễn Thị X1, Nguyễn Thị G1 có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Ngoài ra, bị cáo có mẹ ruột, cậu ruột là người có công cách mạng. Đây là những tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, bị cáo có một tình tiết tăng nặng là phạm tội 02 lần trở lên được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Xét thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự khi quyết định hình phạt cho bị cáo.

Xét bị cáo không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5] Các biện pháp tư pháp:

Về bồi thường thiệt hại: Áp dụng khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 589 của Bộ luật Dân sự.

Ghi nhận các bị hại Nguyễn Thị H1, Lê Thị T6, Phạm Thị Y, Lê Thị Thu T2, Nguyễn Thị N, Dương Thị H2, Hồ Thị X, Phan Hoàng M không yêu cầu bị cáo T bồi thường.

Đối với bị hại Nguyễn Thị Kim H bị chiếm đoạt số tiền 16.200.000 đồng; ghi nhận bị cáo đã tự nguyện bồi thường số tiền 15.000.000 đồng. Buộc bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho bị hại H tiếp số tiền 1.200.000 đồng.

Đối với bị hại Phạm Thị Thu T2 bị cáo chiếm đoạt số tiền 2.500.000 đồng; ghi nhận bị cáo đã tự nguyện bồi thường số tiền 1.000.000 đồng. Buộc bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho bị hại Phạm Thị Thu T2 tiếp số tiền 1.500.000 đồng.

Đối với bị hại Hồ Thị Cẩm T1 bị chiếm đoạt số tiền 2.500.000 đồng; ghi nhận bị cáo đã tự nguyện bồi thường số tiền 1.000.000 đồng. Buộc bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho bị hại T1 tiếp số tiền 1.500.000 đồng.

Đối với bị hại Võ Thị L bị chiếm đoạt số tiền 15.000.000 đồng. Buộc bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho bị hại L số tiền 15.000.000 đồng.

Đối với bị hại Đỗ Thị T5 bị chiếm đoạt số tiền 18.700.000 đồng; ghi nhận bị cáo đã tự nguyện bồi thường số tiền 15.000.000 đồng. Buộc bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho bị hại Đỗ Thị T5 tiếp số tiền 3.700.000 đồng.

Đối với bị hại Huỳnh Thị Thu H4 bị chiếm đoạt số tiền 5.000.000 đồng; ghi nhận bị cáo đã tự nguyện bồi thường số tiền 1.000.000 đồng. Buộc bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho bị hại H4 tiếp số tiền 4.000.000 đồng.

Đối với bị hại Trần Thị G bị chiếm đoạt số tiền 5.000.000 đồng. Buộc bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho bị hại G tiếp số tiền 5.000.000 đồng.

Đối với bị hại Lý Kim H1 bị chiếm đoạt số tiền 5.000.000 đồng; ghi nhận bị cáo đã tự nguyện bồi thường số tiền 1.000.000 đồng, Buộc bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho bị hại H1 tiếp số tiền 4.000.000 đồng.

Đối với bị hại Lương Văn M bị chiếm đoạt số tiền 4.350.000 đồng; ghi nhận bị cáo đã tự nguyện bồi thường số tiền 1.000.000 đồng. Buộc bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho bị hại M tiếp số tiền 3.350.000 đồng.

Đối với bị hại Nguyễn Thị A bị chiếm đoạt số tiền 3.000.000 đồng. Buộc bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho bị hại A tiếp số tiền 3.000.000 đồng.

Đối với bị hại Hồ Ngọc Út N bị chiếm đoạt số tiền 1.200.000 đồng; ghi nhận bị cáo đã tự nguyện bồi thường số tiền 1.000.000 đồng. Buộc bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho bị hại N tiếp số tiền 200.000 đồng.

Đối với bị hại Lâm Thị Bé H3 bị chiếm đoạt số tiền 600.000 đồng. Buộc bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho bị hại Bé H3 tiếp số tiền 600.000 đồng.

Đối với bị hại Nguyễn Thị Phượng U bị chiếm đoạt số tiền 600.000 đồng. Buộc bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho bị hại U tiếp số tiền 600.000 đồng.

Đối với bị hại Nguyễn Thị G1 bị chiếm đoạt số tiền 600.000 đồng; ghi nhận bị cáo đã tự nguyện bồi thường số tiền 2.000.000 đồng, số tiền dư ra  $2.000.000 \text{ đồng} - 600.0000 \text{ đồng} = 1.400.000 \text{ đồng}$ , số tiền này sẽ do hai bên tự giải quyết, trường hợp có tranh chấp sẽ do Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng giải quyết khi có yêu cầu.

Đối với bị hại Nguyễn Thị X1 bị chiếm đoạt số tiền 600.000 đồng; ghi nhận bị cáo đã tự nguyện bồi thường số tiền 6.000.000 đồng, số tiền dư ra  $6.000.000 \text{ đồng} - 600.0000 \text{ đồng} = 5.400.000 \text{ đồng}$ , số tiền này sẽ do hai bên tự giải quyết, trường hợp có tranh chấp sẽ do Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng giải quyết khi có yêu cầu.

Đối với bị hại Nguyễn Thị B bị chiếm đoạt số tiền 600.000 đồng. Buộc bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho bị hại B số tiền 600.000 đồng

Đối với bị hại Hồ Văn K bị chiếm đoạt số tiền 1.200.000 đồng. Buộc bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho bị hại K số tiền 1.200.000 đồng.

Đối với bị hại Hồ Thị T4 bị chiếm đoạt số tiền 600.000 đồng. Buộc bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho bị hại Hồ Thị T4 số tiền 600.000 đồng.

Mặc dù tại phiên tòa bị cáo đồng ý trả cho các bị hại số tiền thực đóng hối do hai bên thỏa thuận nhưng do số tiền chênh lệch này bị cáo không có hành vi chiếm đoạt nên Hội đồng xét xử không ghi nhận sự thỏa thuận của bị cáo và bị hại.

[6] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

[7] Về án phí hình sự sơ thẩm: Theo quy định tại điểm a, c, g khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; bị cáo T phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Do có một số bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường nên sau khi khấu trừ khoản tiền không yêu cầu bồi thường và khoản tiền bị cáo T đã bồi thường, đã căn trừ, Hội đồng xét xử chỉ buộc bị cáo chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm trên tổng số tiền đã buộc bồi thường là: 46.050.000 đồng x 5% = 2.302.000 đồng.

[8] Các bị hại có quyền khởi kiện vụ án dân sự đối với số tiền chênh lệch còn lại theo danh sách thông kê của Cơ quan cảnh sát điều tra công an thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, tại Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 174; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 54; Điều 38 của Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thu T 01 (một) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 09/11/2023.

2. Các biện pháp tư pháp:

Áp dụng khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 589 của Bộ luật Dân sự. Buộc bị cáo Nguyễn Thị Thu T2 có trách nhiệm bồi thường toàn bộ số tiền chiếm đoạt cho các bị hại, cụ thể như sau:

Buộc bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho bị hại Nguyễn Thị Kim H tiếp số tiền 1.200.000 (một triệu hai trăm nghìn) đồng.

Buộc bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho bị hại Phạm Thị Thu T2 tiếp số tiền 1.500.000 (Một triệu năm trăm nghìn) đồng.

Buộc bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho bị hại Hồ Thị Cẩm T1 tiếp số tiền 1.500.000 (Một triệu năm trăm nghìn) đồng.

Buộc bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho bị hại Võ Thị L số tiền 15.000.000 (Mười lăm triệu) đồng.

Buộc bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho bị hại Đỗ Thị T5 tiếp số tiền 3.700.000 (Ba triệu bảy trăm nghìn) đồng.

Buộc bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho bị hại Huỳnh Thị Thu H4 tiếp số tiền 4.000.000 (Bốn triệu) đồng.

Buộc bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho bị hại Trần Thị G số tiền 5.000.000 (Năm triệu) đồng.

Buộc bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho bị hại Lý Kim H1 tiếp số tiền 4.000.000 (Bốn triệu) đồng.

Buộc bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho bị hại Lương Văn M tiếp số tiền 3.350.000 (Ba triệu ba trăm năm mươi nghìn) đồng.

Buộc bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho bị hại Nguyễn Thị A số tiền 3.000.000 (Ba triệu) đồng.

Buộc bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho bị hại Hồ Ngọc Út N tiếp số tiền 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng.

Buộc bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho bị hại Lâm Thị Bé H3 số tiền 600.000 (Sáu trăm nghìn) đồng.

Buộc bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho bị hại Nguyễn Thị Phương U số tiền 600.000 (Sáu trăm nghìn) đồng.

Buộc bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho bị hại Nguyễn Thị B số tiền 600.000 (Sáu trăm nghìn) đồng.

Buộc bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho bị hại Hồ Văn K số tiền 1.200.000 (Một triệu hai trăm nghìn) đồng.

Buộc bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho bị hại Hồ Thị T4 số tiền 600.000 (Sáu trăm nghìn) đồng.

Khấu trừ vào số tiền bị cáo đã nộp là 47.250.000 đồng tại biên lai số 0006563 ngày 21/3/2024 của chi cục Thi hành án dân sự thị xã Trảng Bàng.

3. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án tương ứng với thời gian chưa thi hành án, theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a, c, g khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Bị cáo Nguyễn Thị Thu T phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 2.302.000 (Hai triệu ba trăm lẻ hai nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Báo cho bị cáo, bị hại biết, có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị hại vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật./.

**Nơi nhận:**

- Vụ GDKT.TANDTC (Vụ 1);
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- Phòng KTNV TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND TX.Trảng Bàng;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- Cơ quan thi hành án hình sự;
- Nhà tạm giữ CA thị xã Trảng Bàng;
- Chi cục THADS TX. Trảng Bàng;
- Phòng lý lịch Sở Tư pháp tỉnh Tây Ninh;
- Công an cấp xã nơi bị cáo cư trú;
- Bị cáo;
- Người TGTG khác;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Nguyễn Thị Cẩm**